

Bản án số: 141/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 14 - 9 - 2023
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM BÌNH, TỈNH VĨNH LONG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Minh Tân.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Huỳnh Văn Hùng.

2. Bà Nguyễn Thị Kim Thanh.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Ngọc Ánh - Thư ký Tòa án.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình:** Không tham gia phiên tòa.

Ngày 14 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Bình tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 142/2023/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2023 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 115/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 114/2023/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 8 năm 2023 giữa:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Huyền T1, sinh năm 1994 (Vắng mặt).

Địa chỉ đăng ký thường trú: Ấp N1, xã M, huyện B1, tỉnh Vĩnh Long.

Địa chỉ nơi ở hiện nay: Số C, đường Á, phường B2, thành phố A, tỉnh Bình Dương.

- Bị đơn: Anh Võ Văn T2, sinh năm 1987 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Đ, xã N2, huyện B1, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 11 tháng 7 năm 2022 và đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 25 tháng 8 năm 2023, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Huyền T1 trình bày:

- Về hôn nhân: Trên cơ sở quen biết, chị và anh Võ Văn T2 tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn ngày 29/10/2012 tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện B1, tỉnh Vĩnh Long. Thời gian vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 08 năm, đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh T2 không chí

thú làm ăn, tạo lập kinh tế chung của gia đình, khi chị góp ý thì anh T2 kiêu có cự cãi, sự việc diễn ra trong thời gian dài dẫn đến vợ chồng mất hạnh phúc. Nên chị và anh T2 sống ly thân từ tháng 01/2021 đến nay không trở về đoàn tụ. Sau thời gian sống ly thân, nhận thấy vợ chồng không còn tình cảm, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị yêu cầu được ly hôn với anh T2.

- Về con chung, nuôi con và nghĩa vụ cấp dưỡng cho con: Chị và anh T2 có với nhau 02 con chung tên Võ Minh K1, sinh ngày 22/02/2013 và Võ Minh K2, sinh ngày 22/11/2019, hiện chị đang nuôi dưỡng 02 cháu. Sau khi ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu K1, cháu K2, không yêu cầu anh T2 cấp dưỡng cho con.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt chị.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm:

Anh Võ Văn T2 đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng đều vắng mặt tại các phiên họp, không giao nộp văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị T1, không giao nộp tài liệu, chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án. Tại phiên tòa sơ thẩm, anh T2 đã được triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ hai vắng mặt không có lý do chính đáng vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan và không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định như sau:

- Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xác định đây là yêu cầu về ly hôn, tranh chấp về nuôi con, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tam Bình.

[2] Về phạm vi xét xử: Xét ngoài yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con như nhận định, giải quyết tại các mốc đơn [1], [2] “Về nội dung” thì chị T1, anh T2 đều không yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng. Căn cứ vào khoản 1 Điều 5, khoản 1 Điều 188 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án không xem xét, giải quyết trong vụ án này.

[3] Về thủ tục xét xử: Căn cứ vào Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ để xét xử vắng mặt chị T1, anh T2 theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung:

[1] Về hôn nhân: Chị T1, anh T2 là vợ chồng hợp pháp, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Xét nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến vợ chồng mất hạnh phúc xuất phát từ việc anh T2 không chí thú làm ăn, chăm lo tạo lập kinh tế chung của gia đình diễn ra trong thời gian dài, mặc dù chị T1 góp ý khuyên nhủ anh T2 nhưng không đạt kết quả. Chị T1, anh T2 có thời gian dài sống ly thân từ tháng 01/2021 đến nay không trở về đoàn tụ. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh T2 không có văn bản trình bày ý kiến phản đối hoặc đề nghị giải quyết đối với yêu cầu ly hôn của chị T1. Căn cứ vào lời trình bày của chị T1, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, kết luận hôn nhân giữa chị T1 và anh T2 đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án giải quyết cho ly hôn giữa chị T1 và anh T2.

[2] Về con chung, nuôi con và nghĩa vụ cấp dưỡng cho con: Xét cháu K1 đã trên 10 tuổi có nguyện vọng là sau khi cha mẹ ly hôn muốn được tiếp tục sống với chị T1, cháu K2 đã trên 03 tuổi, hiện các cháu đang do chị T1 nuôi dưỡng. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh T2 không có văn bản trình bày ý kiến phản đối hoặc đề nghị giải quyết đối với yêu cầu tranh chấp về nuôi con của chị T1. Để ổn định môi trường sống, học tập, quyền lợi về mọi mặt của cháu K1, cháu K2 và nguyện vọng của cháu K1. Căn cứ vào khoản 1 và khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án giải quyết giao cháu K1, cháu K2 cho chị T1 được trực tiếp nuôi dưỡng; ghi nhận ý kiến của chị T1 không yêu cầu anh T2 cấp dưỡng cho con; anh T2 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

[3] Từ những phân tích và điều luật viện dẫn áp dụng tại các mốc đơn [1], [2], [3] “*Về tố tụng*” và các mốc đơn [1], [2] “*Về nội dung*”, Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T1 giải quyết theo hướng đã nhận định như trên.

- **Về án phí dân sự sơ thẩm:** Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, kèm theo danh mục án phí, lệ phí Tòa án, Tòa án giải quyết chị T1 phải chịu án phí giải quyết ly hôn số tiền 300.000 đồng được khấu trừ xong vào trong số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 3 Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 5, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 188, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức

thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, kèm theo danh mục án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Huyền T1 và anh Võ Văn T2.

2. Về con chung, nuôi con và cấp dưỡng cho con:

2.1. Giao cháu Võ Minh K1, sinh ngày 22 tháng 02 năm 2013 và cháu Võ Minh K2, sinh ngày 22 tháng 11 năm 2019 cho chị Nguyễn Thị Huyền T1 được trực tiếp nuôi dưỡng.

2.2. Ghi nhận ý kiến của chị Nguyễn Thị Huyền T1 không yêu cầu anh Võ Văn T2 cấp dưỡng cho con.

2.3. Anh Võ Văn T2 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Không xem xét, giải quyết trong vụ án này.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị Nguyễn Thị Huyền T1 phải nộp án phí ly hôn số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, được khấu trừ xong vào trong số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số N_o 0011327 ngày 20 tháng 3 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Vụ án được xét xử công khai. Vắng mặt chị Nguyễn Thị Huyền T1, anh Võ Văn T2. Báo cho chị T1, anh T2 biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để Tòa án cấp trên xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long: 02;
- VKSND huyện Tam Bình: 02;
- CC. THADS huyện Tam Bình: 01;
- ND + BD: 02;
- UBND xã M: 01;
- Lưu hồ sơ vụ án: 01;
- Lưu án văn: 06.

(Đã ký)

Cao Minh Tân